

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2021/DS-ST

Ngày: 10-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu

Ông Phạm Hồng Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thảo Vân là Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49d/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-DS ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Tổ 05, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Minh T, sinh năm: 1970, địa chỉ cư trú: Chung cư số 308, tòa nhà số 05, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Trước đây bà và bà Trần Thị Minh T là hàng xóm, cùng cư trú tại phường H quận L, thành phố Đà Nẵng nên bà T nhiều lần vay mượn tiền của bà để làm ăn, chi phí sinh hoạt trong gia đình, khi nào cần tiền thì bà báo trước cho bà T vài ngày sau đó bà T mang tiền trả. Ngày 03/9/2008, bà T có vay mượn của bà số tiền là

200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất là 3%/tháng, khi nào bà cần tiền thì báo trước cho bà T 01 tháng bà T sẽ trả, bà T vay mượn tiền để làm ăn, sinh hoạt trong gia đình. Đồng thời, bà và bà T cùng nhiều người khác chơi biêu với nhau, kết thúc chân biêu bà hốt biêu được số tiền 47.000.000đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng), bà T nói gia đình bà có việc gia đình nên nói bà cho bà T mượn số tiền 47.000.000đồng. Khi vay mượn tiền bà T có viết giấy. Sáu tháng sau bà cần tiền nên báo cho bà T biết và yêu cầu bà T trả tiền nợ gốc, tiền biêu và tiền lãi nhưng bà T cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà không trả tiền gốc lẫn tiền lãi. Sau đó, bà T bán nhà đi đâu bà không biết, sau này qua hỏi thăm nhiều người bà biết được bà T đang cư trú tại phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vào ngày 17/11/2020, bà đến nơi bà T đang cư trú là chung cư số 308, toà nhà số 05, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng để thăm bà T đồng thời nói rõ về vấn đề nợ tiền của bà, nhưng bà T có thái độ không chịu trả tiền và có những lời lẽ xúc phạm bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho bà số tiền gốc là 247.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trần Thị Minh T không có mặt tại Tòa án và không có văn bản gửi cho Tòa án.

*** *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:***

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 247.000.000đồng.

+ Về án phí DSST: Bà T phải chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bị đơn bà Trần Thị Minh T hiện đang cư trú tại địa chỉ: Chung cư số 308, tòa nhà số 05, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Trần Thị Minh T không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[4] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị Minh T trả cho bà số tiền nợ là 247.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

[4.1] Xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện, ngày 03/9/2008 bà Trần Thị Minh T có mượn của bà Trần Thị H số tiền là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất 3% và bà H có cho bà T mượn 47.000.000đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) tiền tiêu, tổng cộng 2 khoản là 247.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý...Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...”*. Do vậy, bà H yêu cầu bà T trả số tiền 247.000.000đồng mà bà T đã vay mượn là có căn cứ, phù hợp với các điều 471, 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4.2] Do bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4.3] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là 247.000.000đồng x 5% = 12.350.000đồng (Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 471, 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các điều 26, 35, 147, 266, 267, 273, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Trần Thị Minh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Xử:

1. Buộc bà Trần Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền là 247.000.000đồng (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Minh T phải chịu là 12.350.000đồng (Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.175.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0008546 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn bà Trần Thị Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

